

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
KHỐI 5
NĂM HỌC 2023 - 2024

Chủ đề năm học: “Đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”.

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ Công văn 3535/BGDDT ngày 19/8/2019 về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm trong chương trình GDPT 2018;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Công văn số 2512/SGDĐT-GDTHMN ngày 04/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Thực hiện Công văn số 908/PGDĐT-TH ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Phòng GD&ĐT thành phố Đồng Xoài về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 cấp tiểu học;

Thực hiện Công văn số 909/PGDĐT-TH ngày 18/8/2023 của Phòng GD&ĐT V/v hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong các trường tiểu học;

Căn cứ Kế hoạch Số: 214 /KH-THTPC ngày 25 tháng 9 năm 2023 của trường Tiểu học Tân Phú C;

Căn cứ vào tình hình thực tế tổ khối 5 xây dựng kế hoạch giáo dục, năm học 2023 - 2024 như sau:

II. Điều kiện thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục

1. Tình hình đội ngũ giáo viên cán bộ quản lý, đặc điểm đối tượng học sinh, nguồn học liệu, thiết bị dạy học, phòng học bộ môn

a. Đội ngũ giáo viên

Tổng số GV: 7/5 nữ. Trong đó: GVCN 5/4 nữ, giáo viên bộ môn 1, BGH 1/1 nữ.

Trình độ đào tạo: 7/7 đại học.

b. Đặc điểm đối tượng học sinh

- Tổng số học sinh: 171/76 nữ, trong đó HS dân tộc 5/2 nữ.
- Số lớp: 5; lớp học 2 buổi/ngày: 5
- Tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày; mỗi ngày không quá 7 tiết học, thực hiện 10 buổi/tuần (32 tiết/ tuần).

*** Điểm mạnh**

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng chương trình theo mô hình phát triển năng lực phẩm chất của người học.
- Được sự quan tâm và chỉ đạo kịp thời của Chi bộ, BGH nhà trường, sự giúp đỡ của Công đoàn trường, sự quan tâm của cha mẹ học sinh cùng với sự phối hợp tận tình của các đoàn thể trong nhà trường.
- Trường học khuôn viên rộng, thoáng mát, phòng học được trang bị tương đối đầy đủ bàn ghế, đèn, quạt điện, ti vi.....
- Đội ngũ giáo viên được phân công giảng dạy ở khối 2 đều đạt chuẩn, nhiệt tình, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, đáp ứng được nhu cầu giáo dục hiện nay, có tinh thần đoàn kết cao.
- Học sinh học lớp hai buổi/ngày nên các em được tham gia bồi dưỡng và có nhiều thời gian nâng cao chất lượng giáo dục.
- Một số phụ huynh rất quan tâm đến việc học tập của học sinh, tích cực phối hợp với giáo viên trong việc học tập của các em. Các em đã được trang bị đủ sách vở, đồ dùng phục vụ cho việc học tập.

*** Điểm yếu**

- Trình độ nhận thức của học sinh không đồng đều, tỉ lệ học sinh tiếp thu bài chậm, trí nhớ kém nhiều. Đặc biệt trong năm học này do bị ảnh hưởng dịch từ năm học trước, các em đến trường ít nên về nền nếp cũng như kiến thức bị thiếu hụt nhiều.
- Một số học sinh có ngoại hình và giao tiếp bình thường nhưng trong quá trình học lại khó nhớ, mau quên; có học sinh hạn chế về nhận thức nhưng gia đình không đi chữa trị nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chung của nhà trường.
- Một số phụ huynh còn tư tưởng trông chờ ỷ lại, thường xuyên đi làm ăn xa, để con ở nhà cho ông bà nên công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa hiệu quả.

- Số lượng học sinh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, học sinh mồ côi nhiều; bố mẹ mãi lo kiếm sống nên ít quan tâm đến việc học tập của con em mình.

*** Biện pháp thực hiện**

- Chuẩn bị tốt các điều kiện cho năm học mới 2023-2024, phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường, địa phương để xây dựng phương án đảm bảo công tác dạy và học, an toàn cho học sinh, giáo viên trước khi nhập học.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy và học, chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện dạy học thực tế của từng đơn vị, địa phương.

- Đảm bảo môi trường thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản, đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

c. Nguồn học liệu

- Sách giáo khoa các môn học và hoạt động giáo dục bộ sách Chân trời sáng tạo của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

- Các tài liệu tham khảo đã được kiểm định của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, nhà xuất bản Đại học sư phạm được lưu trữ tại thư viện nhà trường.

- Nguồn tư liệu từ các trang web của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam bao gồm:

+ hanhtrangso.nxbgd.vn

+ chantroisangtao.vn

- Và các nguồn ngữ liệu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

d. Thiết bị dạy học

- 5/5 lớp được trang bị đầy đủ ti vi và có kết nối mạng Internet.

- GV thường xuyên sưu tầm và tự làm các đồ dùng dạy học. Hàng năm, GV thực hiện tốt việc sử dụng các đồ dùng dạy học có sẵn và các đồ dùng dạy học tự làm.

- Mỗi lớp được trang bị 1 bảng có kẻ ô.

đ. Phòng học bộ môn

- Phòng học Tiếng Anh

- Phòng học Mỹ thuật

- Phòng học Âm nhạc

- Phòng học Tin học.

2. Các nội dung về: giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông, chủ đề hoạt động giáo dục tập thể, nội dung thực hiện tích hợp liên môn,...

a. Nội dung giáo dục địa phương:

- GV được tập huấn và dạy học đầy đủ các nội dung về giáo dục địa phương.
- Nhà trường trang bị đầy đủ các tài liệu phục vụ dạy học các nội dung giáo dục địa phương.

b. Giáo dục an toàn giao thông:

Tài liệu Giáo dục ATGT: Sử dụng Bộ tài liệu Giáo dục An Toàn giao thông dành cho học sinh lớp 5 từ năm học 2020-2021.

c. Chủ đề hoạt động giáo dục tập thể.

- GV được tập huấn và dạy học đầy đủ các nội dung về chủ đề hoạt động giáo dục tập thể.
- Chủ đề hoạt động giáo dục tập thể được xây dựng, thống nhất trong nhà trường theo kế hoạch giáo dục hàng năm.

d. Nội dung thực hiện tích hợp liên môn

- Các nội dung thực hiện tích hợp liên môn được tổ chuyên môn bàn bạc, thống nhất thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn định kì.

3. Khung thời gian thực hiện chương trình, năm học 2023-2024

Thực hiện Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước.

Ngày tựu trường: 28/8/2023.

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2022.

- Học kì I: bắt đầu từ ngày 05/09/2022 đến hết ngày 05/01/2024 (gồm 18 tuần thực học).

- Học kì II: bắt đầu từ ngày 08/01/2024 đến hết ngày 17/5/2024 (gồm 17 tuần thực học, 2 tuần nghỉ tết Nguyên Đán – từ 05/02/2024 đến 18/02/2024).

Bế giảng năm học: Ngày 24/5/2024.

III. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện theo phương án như sau:

THỜI KHÓA BIỂU

(Tuần 1 đến tuần 35. Thực hiện từ ngày 05/9/2022 đến ngày 12/05/2023)

TG	Tiết	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Sáng	1	Chào Cờ	LTVC	Anh Văn*	TLV	TLV
	2	Tập Đọc	Toán	Thể Dục*	LTVC	Toán
	3	Toán	Anh Văn*	Toán	Toán	Thể Dục*
	4	Đạo đức	Anh Văn*	Âm Nhạc*	Mĩ thuật	Khoa học
Chiều	1	Lịch sử	Tập Đọc			
	2	Chính tả	Kể Chuyện	Kĩ thuật*	Tin học*	HĐTN
	3	HĐTT*	Khoa học	Địa lí	Tin học*	SHTT

TỔNG HỢP			
TT	Môn học, hoạt động giáo dục	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	8	
2	Toán	5	
3	Đạo đức	1	
4	Khoa học	2	
5	Lịch sử- Địa lí	2	
6	Tiếng Anh	3	
7	Âm nhạc	1	
8	Mĩ thuật	1	
9	Kĩ thuật	1	
10	Thể dục	2	
11	Chào cờ, HĐTN, HĐTT, SHTT	4	
12	Tin học	2	
Tổng số tiết/tuần		32	

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC LỚP 5 – CT GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2006

1. Tiếng Việt- Đính kèm phụ lục 1
2. Toán- Đính kèm phụ lục 2
3. Khoa học- Đính kèm phụ lục 3
4. Lịch sử- Địa lí - Đính kèm phụ lục 4
5. Đạo đức- Đính kèm phụ lục 5
6. Âm nhạc- Đính kèm phụ lục 6
7. Mỹ thuật- Đính kèm phụ lục 7
8. Kỹ thuật- Đính kèm phụ lục 8
9. Thể dục- Đính kèm phụ lục 9
10. Hoạt động trải nghiệm- Đính kèm phụ lục 10
11. Tiếng Anh- Đính kèm phụ lục 11

IV. Mục tiêu giáo dục của khối 5, năm học 2023-2024 *(Mức độ học sinh cần đạt được về phẩm chất và năng lực; số lượng, chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục của tổ...)*

1. Mục tiêu chung

- GV nắm bắt và thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024 của ngành.

- Quản lý các hoạt động giáo dục theo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Sinh hoạt chuyên môn theo công văn 1315 V/v hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Thực hiện đánh giá kết quả giáo dục học sinh theo thông tư 27/2020/TT- BGDDĐT ngày 4/9/2020.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của khối, lớp; kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế trên cơ sở bảo đảm mục tiêu, nội dung đáp ứng yêu cầu cần đạt theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Nắm bắt kịp thời các văn bản của trường, của ngành về biên chế năm học, nội dung chương trình giáo dục phổ thông 2018; Thông tư 27/2020/TT- BGDDT ngày 4/9/2020 về việc đánh giá học sinh tiểu học.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung giáo dục địa phương ở cấp tiểu học theo hướng dẫn tại Công văn số 3536/BGDDT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT, Kế hoạch số 1074/KH-SGDĐT ngày 27/4/2020 của Sở GD&ĐT về việc biên soạn tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Bình Phước lớp 5, trong đó thực hiện tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào dạy học các môn học, hoạt động trải nghiệm theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp tiểu học.

- Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan.

- Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, đánh giá định kì bằng điểm số kết hợp với nhận xét; kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, trong đó đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất.

- Đánh giá định kỳ: 4 lần/năm đối với môn Toán và Tiếng việt; 2 lần/năm đối với các môn Anh văn, Khoa học, Lịch sử và địa lí.

- Thực hiện bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

2. Chỉ tiêu cụ thể (Chỉ tiêu về các môn học, hoạt động giáo dục; phẩm chất, năng lực học sinh và một số chỉ tiêu khác)

2.1. Chỉ tiêu hoàn thành chương trình lớp học:

Lớp	TS HS					HS được đánh giá riêng				
		Hoàn thành		Chưa HT		TSHS ĐGR	Hoàn thành		Chưa HT	
		TS	%	TS	%		TS	%	TS	%
5/1	34	34	100	0		1	1	100	0	
5/2	34	34	100	0		1	1	100	0	
5/3	35	35	100	0		1	1	100	0	
5/4	34	34	100	0		0				
5/5	34	34	100	0		0				
Tổng	171	171	100	0		3	3	100	0	

2.2. Chỉ tiêu khen thưởng:

Lớp	TSHS	HS hoàn thành XS các nội dung HT và RL		HS có thành tích vượt trội	
		SL	%	SL	%

5/1	34	8	23.5	13	38.2
5/2	34	10	29.4	12	35.3
5/3	35	9	25.7	14	40.0
5/4	34	9	26.5	13	38.2
5/5	34	9	26.5	13	38.2
Tổng	171	45	26.0	65	38.0

2.3. Vở sạch – Chữ đẹp:

Lớp	TSHS	Vở						Chữ					
		Chưa sạch		Sạch		Sạch đẹp		VCD		Viết đúng		VDD	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
5/1	34	0		19	55.9	15	44.1	0		26	76.5	8	23.5
5/2	34	0		13	38.2	21	61.8	0		23	67.6	11	32.4
5/3	35	0		15	42.9	20	57.1	0		23	65.7	12	34.3
5/4	34	0		14	41.2	20	58.8	0		24	70.6	10	29.4
5/5	34	0		13	38.2	21	61.8	0		21	61.8	13	38.2
Tổng	171	0		74	43.3	97	56.7	0		117	68.4	54	31.6

2.4. Chỉ tiêu hoàn thành môn học và các hoạt động giáo dục.

Môn	Lớp	TS HS							Học sinh được đánh giá riêng							
			Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa HT		TSHS ĐG riêng	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		
			TS	%	TS	%	TS	%		SL	%	SL	%	SL	%	
Tiếng Việt	5/1	34	8	23.5	26	76.5	0		1			1	100			
	5/2	34	15	44.1	19	55.9	0		1			1	100			
	5/3	35	10	28.6	25	71.4	0		1			1	100			
	5/4	34	14	41.2	20	58.8	0		0							
	5/5	34	18	52.9	16	47.1	0		0							
	Tổng	171	65	38.0	106	62.0	0		3			3	100			
Toán	5/1	34	15	44.1	19	55.9	0		1			1	100			
	5/2	34	19	55.9	15	44.1	0		1			1	100			
	5/3	35	17	48.6	18	51.4	0		1			1	100			
	5/4	34	18	52.9	16	47.1	0		0							
	5/5	34	22	64.7	12	35.3	0		0							
	Tổng	171	91	53.2	80	46.8	0		3			3	100			
Khoa học	5/1	34	18	52.9	16	47.1	0		1			1	100			
	5/2	34	21	61.8	13	38.2	0		1			1	100			
	5/3	35	20	57.1	15	42.9	0		1			1	100			
	5/4	34	20	58.8	14	41.2	0		0				100			
	5/5	34	25	73.5	9	26.5	0		0							
	Tổng	171	104	60.8	67	39.2	0		3			3	100			
LS	5/1	34	15	44.1	19	55.9	0		1			1	100			

ĐL	5/2	34	18	52.9	16	47.1	0		1			1	100		
	5/3	35	17	48.6	18	51.4	0		1			1	100		
	5/4	34	17	50.0	17	50.0	0		0						
	5/5	34	20	58.8	14	41.2	0		0						
	Tổng	171	87	50.9	84	49.1	0		3			3	100		
Tiếng Anh	5/1	34	10	29.4	24	70.6	0		1			1	100		
	5/2	34	15	44.1	19	55.9	0		1			1	100		
	5/3	35	14	40.0	21	60.0	0		1			1	100		
	5/4	34	14	41.2	20	58.8	0		0						
	5/5	34	15	44.1	19	55.9	0		0						
	Tổng	171	68	39.8	103	60.2	0		3			3	100		
Tin học	5/1	34	12	35.3	22	64.7	0		1			1	100		
	5/2	34	18	52.9	16	47.1	0		1			1	100		
	5/3	35	17	48.6	18	51.4	0		1			1	100		
	5/4	34	18	52.9	16	47.1	0		0						
	5/5	34	15	44.1	19	55.9	0		0						
	Tổng	171	80	46.8	91	53.2	0		3			3	100		
Đạo đức	5/1	34	20	58.8	14	41.2	0		1			1	100		
	5/2	34	21	61.8	13	38.2	0		1			1	100		
	5/3	35	20	57.1	15	42.9	0		1			1	100		
	5/4	34	20	58.8	14	41.2	0		0						
	5/5	34	23	67.6	11	32.4	0		0						
	Tổng	171	104	60.8	67	39.2	0		3			3	100		
Âm nhạc	5/1	34	12	35.3	22	64.7	0		1			1	100		
	5/2	34	15	44.1	19	55.9	0		1			1	100		
	5/3	35	13	37.1	22	62.9	0		1			1	100		
	5/4	34	14	41.2	20	58.8	0		0						
	5/5	34	12	35.3	22	64.7	0		0						
	Tổng	171	66	38.6	105	61.4	0		3			3	100		
Mĩ thuật	5/1	34	10	29.4	24	70.6	0		1			1	100		
	5/2	34	14	41.2	20	58.8	0		1			1	100		
	5/3	35	15	42.9	20	57.1	0		1			1	100		
	5/4	34	13	38.2	21	61.8	0		0						
	5/5	34	17	50.0	17	50.0	0		0						
	Tổng	171	69	40.4	102	59.6	0		3			3	100		
Kĩ thuật	5/1	34	14	41.2	20	58.8	0		1			1	100		
	5/2	34	18	52.9	16	47.1	0		1			1	100		
	5/3	35	15	42.9	20	57.1	0		1			1	100		
	5/4	34	17	50.0	17	50.0	0		0						
	5/5	34	16	47.1	18	52.9	0		0						
	Tổng	171	80	46.8	91	53.2	0		3			3	100		
Thể dục	5/1	34	12	35.3	22	64.7	0		1			1	100		
	5/2	34	17	50.0	17	50.0	0		1			1	100		
	5/3	35	15	42.9	20	57.1	0		1			1	100		
	5/4	34	16	47.1	18	52.9	0		0						
	5/5	34	16	47.1	18	52.9	0		0						
	Tổng	171	76	44.4	95	55.6	0		3			3	100		

2.5. Chỉ tiêu về điểm kiểm tra.

Môn	Lớp	TS HS									Học sinh được đánh giá riêng					
			Dưới 5 điểm		5-6 điểm		7-8 điểm		9-10 điểm		TSHS ĐG riêng	Dưới 5 điểm		5 điểm trở lên		
			TS	%	TS	%	TS	%	TS	%		SL	%	SL	%	
Tiếng Việt	5/1	34	0		10	29.4	16	47.1	8	23.5	1			1	100	
	5/2	34	0		6	17.6	13	38.2	15	44.2	1			1	100	
	5/3	35	0		6	17.1	17	48.6	12	34.3	1			1	100	
	5/4	34	0		7	20.6	13	38.2	14	41.2	0					
	5/5	34	0		6	17.6	11	32.4	17	50.0	0					
	Tổng	171	0		35	20.5	70	40.9	66	38.6	3			3	100	
Toán	5/1	34	0		8	23.5	11	32.4	15	44.1	1			1	100	
	5/2	34	0		5	14.7	9	26.5	20	58.8	1			1	100	
	5/3	35	0		3	8.6	14	40.0	18	51.4	1			1	100	
	5/4	34	0		6	17.6	9	26.5	19	55.9	0					
	5/5	34	0		4	11.8	9	26.5	21	61.7	0					
	Tổng	171	0		26	15.2	52	30.4	93	54.4	3			3	100	
Khoa học	5/1	34	0		5	14.7	11	32.4	18	52.9	1			1	100	
	5/2	34	0		4	11.8	9	26.5	21	61.7	1			1	100	
	5/3	35	0		3	8.6	10	28.6	22	62.8	1			1	100	
	5/4	34	0		5	14.7	9	26.5	20	58.8	0					
	5/5	34	0		3	8.8	6	17.6	25	73.6	0					
	Tổng	171	0		20	11.7	45	26.3	106	62.0	3			3	100	
LS ĐL	5/1	34	0		8	23.5	11	32.4	15	44.1	1			1	100	
	5/2	34	0		5	14.7	11	32.4	18	52.9	1			1	100	
	5/3	35	0		5	14.3	12	34.3	18	51.4	1			1	100	
	5/4	34	0		6	17.6	11	32.4	17	50.0	0					
	5/5	34	0		4	11.8	10	29.4	20	58.8	0					
	Tổng	171	0		28	16.4	55	32.2	88	51.4	3			3	100	
Tiếng Anh	5/1	34	0		10	29.4	14	41.2	10	29.4	1			1	100	
	5/2	34	0		8	23.5	11	32.4	15	44.1	1			1	100	
	5/3	35	0		8	22.9	12	34.3	15	42.8	1			1	100	
	5/4	34	0		9	26.5	11	32.4	14	41.1	0					
	5/5	34	0		6	17.6	13	38.2	15	44.2	0					
	Tổng	171	0		41	24	61	35.7	69	40.3	3			3	100	
Tin học	5/1	34	0		5	14.7	17	50.0	12	35.3	1			1	100	
	5/2	34	0		4	11.8	12	35.3	18	52.9	1			1	100	
	5/3	35	0		5	14.3	12	34.3	18	51.4	1			1	100	
	5/4	34	0		5	14.7	12	35.3	17	50.0	0					
	5/5	34	0		7	20.6	12	35.3	15	44.1	0					
	Tổng	171	0		26	15.2	65	38.0	80	46.8	3			3	100	

2.6. Chỉ tiêu về mức độ hình thành và phát triển năng lực.

Tiêu chí	Lớp	TS HS							Học sinh được đánh giá riêng							
			Tốt		Đạt		CCG		TSHS ĐG riêng	Tốt		Đạt		CCG		
			TS	%	TS	%	TS	%		SL	%	SL	%	SL	%	
Tự phục vụ, tự quản	5/1	34	24	70.6	10	29.4	0		1			1	100			
	5/2	34	26	76.5	8	23.5	0		1			1	100			
	5/3	35	25	71.4	10	28.6	0		1			1	100			
	5/4	34	25	73.5	9	26.5	0									
	5/5	34	25	73.5	9	26.5	0									
	Tổng	171	125	73.1	46	26.9	0		3			3	100			
Hợp tác	5/1	34	24	70.6	10	29.4	0		1			1	100			
	5/2	34	28	82.4	6	17.6	0		1			1	100			
	5/3	35	25	71.4	10	28.6	0		1			1	100			
	5/4	34	27	79.4	7	20.6	0									
	5/5	34	26	76.5	8	23.5	0									
	Tổng	171	130	76.0	41	24.0	0		3			3	100			
Tự học và giải quyết vấn đề	5/1	34	19	55.9	15	44.1	0		1			1	100			
	5/2	34	20	58.8	14	41.2	0		1			1	100			
	5/3	35	20	57.1	15	42.9	0		1			1	100			
	5/4	34	19	55.9	15	44.1	0									
	5/5	34	22	64.7	12	35.3	0									
	Tổng	171	100	58.5	71	41.5	0		3			3	100			

2.7. Chỉ tiêu về mức độ hình thành và phát triển phẩm chất.

Tiêu chí	Lớp	TS HS							Học sinh được đánh giá riêng							
			Tốt		Đạt		CCG		TSHS ĐG riêng	Tốt		Đạt		CCG		
			TS	%	TS	%	TS	%		SL	%	SL	%	SL	%	
Chăm học, chăm làm	5/1	34	20	58.8	14	41.2	0		1			1	100			
	5/2	34	24	70.6	10	29.4	0		1			1	100			
	5/3	35	23	65.7	12	34.3	0		1			1	100			
	5/4	34	23	67.6	11	32.4	0									
	5/5	34	25	73.5	9	26.5	0									
	Tổng	171	115	67.3	56	32.7	0		3			3	100			

Tự tin, trách nhiệm	5/1	34	24	70.6	10	29.4	0		1			1	100		
	5/2	34	24	70.6	10	29.4	0		1			1	100		
	5/3	35	25	71.4	10	28.6	0		1			1	100		
	5/4	34	23	67.6	11	32.4	0								
	5/5	34	25	73.5	9	26.5	0								
	Tổng	171	121	70.8	50	29.2	0		3			3	100		
Trung thực, kỉ luật	5/1	34	30	88.2	4	11.8	0		1			1	100		
	5/2	34	30	88.2	4	11.8	0		1			1	100		
	5/3	35	30	85.7	5	14.3	0		1			1	100		
	5/4	34	29	85.3	5	14.7	0								
	5/5	34	30	88.2	4	11.8	0								
	Tổng	171	149	87.1	22	12.9	0		3			3	100		
Đoàn kết, yêu thương	5/1	34	30	88.2	4	11.8	0		1			1	100		
	5/2	34	32	94.1	2	5.9	0		1			1	100		
	5/3	35	32	91.4	3	8.6	0		1			1	100		
	5/4	34	31	91.2	3	8.8	0								
	5/5	34	31	91.2	3	8.8	0								
	Tổng	171	156	91.2	15	8.8	0		3			3	100		

2.8. Hội thi, phong trào

Hội thi	Trường	Thành phố	Tỉnh
Hùng biện Tiếng Anh	5	1	
Đánh máy tính bằng 10 ngón tay	5	1	
Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng	1		
Violimpic các môn	12		
Thẻ đục thẻ thao	8	3	
Robocon	3		
Giao lưu Tiếng Việt cho HSĐT thiểu số	3	1	

V. Giải pháp thực hiện

1. Thực hiện công tác đội ngũ

1.1. Chỉ tiêu

- Đánh giá theo Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 và hướng dẫn số 4530/BGD&ĐT-NGCBQLGD ngày 01/10/2018: Xếp loại Tốt là 6 -Tỷ lệ 85.7%, xếp loại khá là 1 -Tỷ lệ 14.3%.

- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường: 4; cấp thành phố 3.

- Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 6

- Số SKKN đăng ký viết trong năm: 7/7 GV, tỉ lệ: 100%.
- Số tiết dự giờ: 18 tiết/giáo viên/năm.
- Số tiết thao giảng của giáo viên: 04 tiết/giáo viên/năm.
- Các chuyên đề mở trong năm: 2 chuyên đề có hiệu quả.

1.2. Giải pháp

- Hưởng ứng các cuộc vận động lớn do ngành phát động:
 - + Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”:
 - + Mỗi giáo viên phải tự rèn luyện và học tập để nâng cao nhận thức, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.
 - + Thực hiện nội dung giáo dục “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” trong các môn học và hoạt động giáo dục ở mỗi trường tiểu học.
- Cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”:
 - + Mỗi thầy giáo, cô giáo cần nêu cao tấm gương sáng về mặt đạo đức, giữ vững phẩm chất đạo đức nhà giáo, nêu cao tấm gương tự học, tấm gương sáng tạo. Không ngừng trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ quyền lợi chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.
 - + Cuộc vận động “Hai không” với 4 nội dung “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, với vi phạm đạo đức nhà giáo và việc cho học sinh không đạt chuẩn lên lớp”.

2. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn.

2.1. Quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Thực hiện sinh hoạt khối (2 lần/ tháng vào tuần 2 và tuần 4) có chất lượng tập trung về việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, dạy học tích cực, bản các thống nhất các tiết dạy, các tiết địa phương nhằm nâng cao chuyên môn.
- Nội dung sinh hoạt tổ khối chuyên môn cần đi sâu phương pháp dạy học, nghiên cứu phương pháp hỗ trợ học sinh, thống nhất trọng tâm bài giảng nhằm khắc phục những hạn chế dạy qua loa, chiếu lệ không đúng yêu cầu, không phát triển được phẩm chất và năng lực của học sinh.

2.2. Quy định về soạn giảng

- Thực hiện giảng dạy, giáo dục học sinh đảm bảo chất lượng theo chương trình và kế hoạch giáo dục, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.
- Nghiên cứu, soạn kế hoạch bài dạy trước 01 tuần. Lên lớp phải có KHBD và các loại sổ sách theo quy định.
- Kế hoạch bài dạy phải đủ các phân môn có nội dung súc tích ngắn gọn soạn trước một tuần. Quy định cụ thể bài soạn thể hiện được phẩm chất – năng lực của học sinh, phương pháp cụ thể rõ ràng; hoạt động dạy và học của thầy, của trò có hệ thống câu hỏi, chữ viết rõ ràng không sai lỗi chính tả, trình bày bài soạn khoa học và thể hiện được những phương pháp mới, linh hoạt, sáng tạo; bài soạn phân chia thời gian cụ thể cho từng hoạt động dạy và học trung bình 40 phút/ tiết. Chữ đánh máy thống nhất Times New Roman, cỡ chữ 14.

- Duyệt KHBD đúng lịch quy định 1 tuần duyệt một lần và duyệt toàn bộ hồ sơ vào 4 đợt GHKI, cuối HKI, GHKII, cuối HKII.

- Các tiết dạy đều phải chuẩn bị và sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học sẵn có hoặc tự làm.

- Đổi mới phương pháp dạy học hỗ trợ Tiếng Việt cho học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

3. Thực hiện các phong trào thi đua.

3.1. Chỉ tiêu chung:

- Tổ: Lao động tiên tiến

- Tỷ lệ GV đạt LĐTT: 5/7

- Danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp: 3/7 CSTĐ CS

- Đề nghị khen cao (Nếu có).

3.2. Giải pháp

- Nội dung của các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành luôn gắn chặt với việc triển khai từng nhiệm vụ trong năm học. Các phong trào được thực hiện sáng tạo, tùy theo điều kiện thực tế để có những cải tiến thích hợp. Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo, củng cố kết quả các cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, "Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo". Cán bộ, nhà giáo, người lao động tự giác học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, có ý thức quyết tâm làm theo, không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, năng lực, tạo uy tín để HS noi theo như: đảm bảo ngày giờ công, lên lớp đúng giờ, thực hiện đúng kế hoạch chương trình, không cắt tiết, bỏ giờ dạy, có đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định.

- Thực hiện cuộc vận động “Hai không” với 4 nội dung “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và không để HS ngồi nhầm lớp”. Tuyên truyền vận động cán bộ, giáo viên chức, người lao động viên thực hiện chủ đề: Nêu cao tinh thần trách nhiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm.

VI. Tổ chức thực hiện

1. **Giáo viên** (Giáo viên phụ trách môn học, giáo viên chủ nhiệm).

a. Giáo viên phụ trách môn học

Chủ động nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa và các nội dung giáo dục địa phương, an toàn giao thông; Tìm hiểu về đặc điểm đối tượng học sinh; lập kế hoạch dạy học cho môn học do mình phụ trách phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và kế hoạch của tổ chuyên môn

5.

Đề xuất ý kiến điều chỉnh nội dung hoặc hình thức dạy học cho phù hợp với điều kiện thực tế và điều kiện môn học.

b. Giáo viên chủ nhiệm

Chủ động nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa và các nội dung giáo dục địa phương, an toàn giao thông. Tìm hiểu về đặc điểm đối tượng học sinh; Lập kế

hoạch giáo dục cho lớp học mình phụ trách theo ngày/ tuần/ tháng phù hợp với kế hoạch chung của toàn khối.

Thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và kế hoạch của tổ chuyên môn 5.

Đề xuất ý kiến điều chỉnh nội dung hoặc hình thức dạy học cho phù hợp với điều kiện thực tế của lớp, đối tượng học sinh hoặc điều kiện môn học,...

2. Tổ trưởng

Xây dựng kế hoạch dạy học cho môn học, hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn; hướng dẫn, tạo điều kiện lợi cho giáo viên tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học môn học, hoạt động giáo dục theo kế hoạch;

Giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động của các thành viên và giáo viên trong tổ.

Đề xuất với Ban giám hiệu điều chỉnh, bổ sung kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục của tổ trong quá trình thực hiện.

3. Tổng phụ trách đội

Tổng phụ trách đội dự thảo hoạt động, thống nhất với tổ chuyên môn, giáo viên làm công tác chủ nhiệm về hình thức và nội dung sinh hoạt dưới cờ.

Thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và kế hoạch của tổ chuyên môn 5.

Đề xuất ý kiến điều chỉnh nội dung hoặc hình thức dạy học, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục pháp luật của các lớp sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của Liên đội.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2023 - 2024 của tổ khối 5, trường tiểu học Tân Phú C. Kế hoạch này đã được giáo viên trong khối đóng góp ý kiến, chỉnh sửa và đi đến thống nhất cao. Đây là cơ sở để giáo viên trong khối xây dựng kế hoạch chi tiết, khả thi, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2023-2024.

TỔ TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Xuân